

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2024
(Ban hành kèm theo quyết định số ..., ngày .../.../20... của Hiệu trưởng
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: **Marketing**
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Tiếp thị
 - Tên tiếng Anh: Marketing
4. Mã ngành: 7340115
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm
7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)
8. Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Tiếp thị
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Marketing
9. Khoa chủ quản: Khoa Kinh Tế - Luật
 - Địa chỉ văn phòng: 01 Trương Văn Bang, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu
 - Điện thoại liên lạc: 0254 7300668 – (Số nhánh 3140)
 - Website: <https://bv.u.edu.vn/khoa-kinh-te-luat/>
 - Email: khoakinhteluat@bv.u.edu.vn

10. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Marketing của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, sinh viên có thể làm việc như:

- Chuyên viên làm việc tại các doanh nghiệp như phòng kinh doanh, phòng Marketing, bộ phận nghiên cứu thị trường, bộ phận quản lý bán hàng, quan hệ khách hàng; trung tâm xúc tiến hay hội chợ thương mại.
- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành các doanh nhân hoặc các nhà quản lý cấp cao như giám đốc điều hành, giám đốc bộ phận, trưởng các phòng, ban thuộc các loại hình kinh doanh trong và ngoài nước.
- Các chuyên viên, trợ lý, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về marketing làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên có trình độ cao trong lĩnh vực marketing.
- Hoạch định, triển khai và quản lý các hoạt động kinh doanh độc lập của riêng mình.
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Có khả năng tự học tập về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Marketing trong kinh doanh;

Có thể theo học các khóa học đào tạo thạc sĩ trong các lĩnh vực về kinh doanh, thương mại, kinh tế đối ngoại tại các trường trong và ngoài nước, bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO - PROGRAMME OBJECTIVES (POS)

Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên ngành Marketing theo định hướng ứng dụng:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc và sức khỏe tốt;
- Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu cùng kiến thức thực tế cần thiết trong lĩnh vực ngành Marketing;
- Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao ở lĩnh vực ngành Marketing;
- Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp;
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường lao động lĩnh vực Marketing trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ, tin học,...
PO2	Trang bị sinh viên đầy đủ các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực marketing.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm phục vụ cho trong lĩnh vực Marketing.
PO4	Xây dựng cho sinh viên kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức, nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe phục vụ công việc, bảo vệ đất nước.
PO6	Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực marketing.

**PROGRAMME OBJECTIVES (POS)*

III. CHUẨN ĐẦU RA - PROGRAMME LEARNING OUTCOMES (PLOs):

Kiến thức

PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
PLO2	Sinh viên có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc, có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung trình độ quốc gia Việt Nam.
PLO3	Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, kiến thức bổ trợ cần thiết để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Marketing. Hiểu và nắm vững về các kiến thức chung về nền kinh tế, quản trị, thương mại, marketing.
PLO4	Sinh viên có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực Marketing. Hiểu và nắm vững về các kiến thức Marketing.
PLO5	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Marketing. Hiểu và nắm vững các kiến thức kinh tế, kiến thức Marketing để thực hiện công việc của một kế toán ở các phần hành khác nhau trong doanh nghiệp. Kết nối các kiến thức để phân tích, xử lý và tổng hợp thông tin Marketing từ đó hình thành báo cáo trong doanh nghiệp.
PLO6	Có thể học lên các bậc sau đại học thuộc lĩnh vực ngành Marketing, các ngành phù hợp theo quy định của pháp luật. Nắm bắt định hướng, xu hướng phát triển ngành Marketing.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung trình độ quốc gia Việt Nam. Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint,... theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist).
PLO8	Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp. Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về Marketing, các hoạt động của Marketing để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, trang bị phương pháp phân tích thị trường, hình thành tư duy về vấn đề quản trị Marketing có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm, tìm việc cho mình và cho người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Phối hợp thành thạo kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing. Vận dụng được các nguyên tắc marketing vào quá trình xúc tiến khách hàng, tìm kiếm thị trường tiếp cận đến cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.
PLO10	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Khả năng phân tích, sáng tạo và đánh giá các thông tin để đưa ra quyết định về: Quản trị chất lượng dịch vụ; Kế toán tài chính, Marketing; Quản trị nguồn nhân lực và chăm sóc khách hàng.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. lập kế

	hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực Marketing.
PLO12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc chuyên môn Quản trị kinh doanh. Tuân thủ quy định của luật pháp, có lối sống lành mạnh và đạo đức tốt; tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường nhằm trau dồi thêm kỹ năng sống và học tập cho mình.
PLO13	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Bản lĩnh, tự tin với kiến thức đã học; Có sự đam mê nghề nghiệp, tinh thần học tập tự giác cao độ, luôn cập nhật kiến thức và sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

* *PROGRAMME LEARNING OUTCOMES (PLOs)*

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của ngành Marketing thực hiện theo quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của ngành Marketing hệ đại học chính quy được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của ngành Marketing tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành</i>	62	
2.2	<i>Học kỳ doanh nghiệp</i>	10	
2.3	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế</i>	8	
TỔNG CỘNG		120	100%
II. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			

1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	

Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu () không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra*

VII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					11
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060034	1
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6	0101123677	
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
12	0164124317	Kỹ năng kinh doanh	3	3	0	6		
13	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	3	0	6		2
15	0101123612	Nhập môn Marketing	3	3	0	6		1

II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			37					11
16	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		1
17	0101100041	Marketing căn bản	3	3	0	6		1
18	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	3	0	6		1
19	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	3	0	6		1
20	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	6		1
21	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	3	3	0	6		1
22	0101122830	Quản trị chiến lược	3	3	0	6		1
23	0101100075	Quản trị tài chính	3	3	0	6	0101100050	
24	0101124050	Hành vi khách hàng	3	2	1	6		1
25	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	2	1	6		1
26	0101100039	Luật Kinh tế	3	3	0	6		
27	0101124182	Thương mại điện tử	2	1	1	4	0101100041	
28	0101124053	Quản trị khủng hoảng truyền thông	2	2	0	4		
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			25					8
29	0101100129	Marketing dịch vụ	3	3	0	6	0101100041	1
30	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	3	0	6	0101100041	1
31	0101124051	Viết lời quảng cáo (Copy writer)	3	2	1	6	0101100041	1
32	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	6	0101100050	1
33	0101124052	Tiếng Anh ngành Marketing	3	3	0	6	0101100041	1
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Marketing thương hiệu								
34	0101124054	Marketing số	3	2	1	6	0101100041	1
35	0101124055	Thiết kế hệ thống nhận dạng thương hiệu	3	2	1	6	0101100076	1
36	0101124056	Quảng cáo trong kỷ nguyên số	4	3	1	8		1
Nhóm 2: Chuyên ngành Digital Marketing								
34	0101124054	Marketing số	3	2	1	6	0101100041	1

35	0101124046	Tư duy thiết kế và khởi nghiệp thời đại số	3	2	1	6		1
36	0101124048	Quản trị rủi ro trong kinh doanh kỹ thuật số	4	3	1	8		1
Nhóm 3: Chuyên ngành Marketing và tổ chức sự kiện								
34	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	3	2	1	6		1
35	0101124057	Phong tục và tập quán Việt Nam	3	2	1	6		1
36	0101124058	Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện	4	3	1	8		1
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
37	0101124446	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
38	0101124456	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
39	0101124431	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ			8					4
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế</i>								
40	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8	16	0101100041	
<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>								
41	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
42	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
43	0101100046	Marketing Quốc tế	2	2	0	4		1
44	0101123862	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2	2	0	4		1
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32*					0
45	0101060029	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh*</i>	8*	5	3	16		
46	0101123628	<i>Giáo dục thể chất *</i>	2*	0	2	4		
47	0101060025	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1*	0	1	2	0101123628	
48	0101123671	<i>Tiếng Anh CĐR 1*</i>	3*	3	0	6		
49	0101123672	<i>Tiếng Anh CĐR 2*</i>	3*	3	0	6	0101123671	
50	0101123673	<i>Tiếng Anh CĐR 3*</i>	3*	3	0	6	0101123672	
51	0101123674	<i>Tiếng Anh CĐR 4*</i>	3*	3	0	6	0101123673	

52	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4	0101123626	
53	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123665	
54	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664	
55	0101124322	Kỹ năng nghiên cứu thị trường *	3*	3	0	6		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ <i>(120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			152					34

VIII. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
1	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
2	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
3	0101123612	Nhập môn Marketing	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 2			17					4
1	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4		
2	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
3	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	3	0	6		2
4	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		1
5	0101100041	Marketing căn bản	3	3	0	6		1
6	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	3	3	0	6		

HỌC KỲ 3			18					3
1	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664	
2	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
3	0101100129	Marketing dịch vụ	3	3	0	6	0101100041	1
4	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
5	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	3	0	6	cs	1
6	0101123628	Giáo dục thể chất (Vovinam)*	2*	2	0	4		
7	0101124322	Kỹ năng nghiên cứu thị trường*	3*	2	1	6	cs	
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					4
1	0101060029	Giáo dục quốc phòng*	8*	5	3	16		
2	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123665	
3	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
4	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
5	0101124050	Hành vi khách hàng	3	2	1	6		1
6	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 5			19					4
1	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	3	0	6		
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4		1
3	0101124301	Tiếng Anh Văn phòng	3	3	0	6		

4	0101124051	Viết lời quảng cáo (Copy writer)	3	2	1	6	0101100041	1
5	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	6		1
6	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	3	0	6	0101100041	1
7	0101124182	Thương mại điện tử	2	1	1	4	0101100041	
HỌC KỲ 6			11					3
1	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	3	0	6	0101123671	
2	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
3	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	3	3	0	6		1
4	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	3	0	6		1
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			16					4
1	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	3	0	6		
2	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4		1
3	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	2	1	6		1
4	0101100039	Luật Kinh tế	3	3	0	6		1
5	0101122830	Quản trị chiến lược	3	3	0	6		1
6	0101124053	Quản trị khủng hoảng truyền thông	2	2	0	4		
HỌC KỲ 8			19					5
1	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2		

2	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6		
3	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4		1
4	0101100075	Quản trị tài chính	3	3	0	6	0101100050	1
Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau								
Nhóm 1: Chuyên ngành Marketing Thương Hiệu								
5	0101124054	Marketing số	3	2	1	6	0101100041	1
6	0101124055	Thiết kế hệ thống nhận dạng thương hiệu	3	2	1	6	0101100076	1
7	0101124056	Quảng cáo trong kỷ nguyên số	4	3	1	8		1
Nhóm 2: Chuyên ngành Digital Marketing								
5	0101124054	Marketing số	3	2	1	6	0101100041	1
6	0101124046	Tư duy thiết kế và khởi nghiệp thời đại số	3	2	1	6		1
7	0101124048	Quản trị rủi ro trong kinh doanh kỹ thuật số	4	3	1	8		1
Nhóm 3: Chuyên ngành Marketing và tổ chức sự kiện								
5	0101124034	Quản trị và nghịệp vụ bán hàng	3	2	1	6		1
6	0101124057	Phong tục và tập quán Việt Nam	3	2	1	6		1
7	0101124058	Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện	4	3	1	8		1
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					0
1	0101124446	Thực tập tốt nghịệp	4	0	4	8		
2	0101124456	Văn hóa doanh nghịệp	3	0	3	6		
3	0101124431	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		

NĂM THỨ TƯ								
HỌC KỲ 10			11					5
1	0101124052	Tiếng Anh ngành Marketing	3	3	0	6	0101100041	1
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>								
2a	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16	0101100041	
<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>								
2b	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
	0101100046	Marketing Quốc tế	2	2	0	4		1
	0101123862	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2	2	0	4		1
TỔNG SỐ TÍN CHỈ <i>(120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			152					34

IX. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	4	X						X				X		
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	X						X				X		
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X						X				X		
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7	X						X				X		
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	X						X				X		
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	1	X						X				X		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	2	X						X				X		
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	X						X				X		
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	4	X						X				X		
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	5	X						X				X		
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	1	X						X				X		
12	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	2			X	X			X	X	X	X	X	X	X
13	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	3			X	X				X	X		X	X	X
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	2		X			X		X		X			X	X
15	0101123612	Nhập môn Marketing	1			X	X		X	X		X	X	X	X	X
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
27	0101100031	Kinh tế học	2	X	X	X				X				X		X

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỒ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
28	0101100041	Marketing căn bản	2		X			X			X		X		X	X
29	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	6				X				X				X	
30	0101100050	Nguyên lý kế toán	3					X				X			X	X
31	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	4					X			X	X			X	X
32	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	6			X			X	X	X		X		X	
33	0101122830	Quản trị chiến lược	7		X		X				X				X	X
34	0101100075	Quản trị tài chính	8				X				X				X	
35	0101124050	Hành vi khách hàng	4				X	X				X			X	X
36	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	7					X				X			X	
37	0101100039	Luật Kinh tế	7			X	X	X				X	X		X	X
38	0101124182	Thương mại điện tử	7				X				X				X	
39	0101124053	Quản trị khủng hoảng truyền thông	7			X			X	X	X		X		X	
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																
40	0101100129	Marketing dịch vụ	3			X			X	X	X		X		X	X
41	0101100076	Quản trị thương hiệu	5					X				X			X	X
42	0101124051	Viết lời quảng cáo (Copy writer)	5				X				X				X	
43	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	5			X			X	X	X		X		X	
44	0101124052	Tiếng Anh ngành Marketing	10			X			X	X	X		X		X	X
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>																

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỒ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
Nhóm 1: Chuyên ngành Marketing thương hiệu																
45	0101124054	Marketing số	8			X	X	X			X		X		X	
46	0101124055	Thiết kế hệ thống nhận dạng thương hiệu	8			X	X	X			X		X		X	
47	0101124056	Quảng cáo trong kỷ nguyên số	8			X	X	X			X		X		X	
Nhóm 2: Chuyên ngành Digital Marketing																
45	0101124054	Marketing số	8			X	X	X			X		X		X	
46	0101124046	Tư duy thiết kế và khởi nghiệp thời đại số	8			X	X	X			X		X		X	
47	0101124048	Quản trị rủi ro trong kinh doanh kỹ thuật số	8			X	X	X			X		X		X	X
Nhóm 3: Chuyên ngành Marketing và tổ chức sự kiện																
45	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	8			X	X	X			X		X		X	
46	0101124057	Phong tục và tập quán Việt Nam	8		X	X	X				X		X		X	
47	0101124058	Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện	8			X	X	X		X	X	X	X		X	X
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP																
48	0101124446	Thực tập tốt nghiệp	9	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X
49	0101124456	Văn hóa doanh nghiệp	9			X	X	X	X		X	X		X	X	X
50	0101124431	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ																
Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế																
51	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	10	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỒ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
Các học phần thay thế																
51a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10			X			X	X	X		X		X	
51b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	10			X			X	X	X		X		X	
51c	0101100046	Marketing Quốc tế	10			X			X	X	X		X		X	
51d	0101123862	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	10						X				X		X	
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG																
41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và An ninh*	4	X					X					X		
42	0101123628	Giáo dục thể chất*	1	X					X					X		
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	8	X					X					X		
44	0101123664	Mos Word*	2	X						X				X		
45	0101123665	Mos Excel*	3	X						X				X		
46	0101121911	Mos Powerpoint*	4	X						X				X		
47	0101123711	Kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề*	2	X						X				X		
48	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	5	X						X				X		
49	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	6	X						X				X		
50	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	7	X						X				X		
51	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	8	X						X				X		

X. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức về lý luận triết học Mác - Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới, xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần gồm 6 chương: bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin và nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin; những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đường lối, mục đích, nhiệm vụ...bao gồm những nội dung cơ

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên).
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau: 1.Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, 2.Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc, 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, 7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	Học phần Tiếng Anh Giao Tiếp sử dụng giáo trình JESTREAM Elementary A với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 3 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc hàng ngày như nghề nghiệp, gia đình, trường học, quốc gia, thể thao Sau mỗi 2 bài học sẽ có 1 phần bài ôn tập (Review).

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	Học phần Tiếng Anh thương mại A1 sử dụng giáo trình Business Partner A2 với 4 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 5 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc hàng ngày như nghề nghiệp, du lịch, kinh doanh, viết thư... Cuối mỗi bài học sẽ có 01 phần Review ôn tập toàn bộ kiến thức.
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	Học phần Tiếng Anh thương mại A2 sử dụng giáo trình Business Partner A2 với 4 đơn vị bài học, tiếp nối học phần Tiếng Anh Thương Mại A1. Mỗi đơn vị bài bao gồm 5 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, sản phẩm, công nghệ, môi trường... Cuối mỗi bài học sẽ có 01 phần Review ôn tập toàn bộ kiến thức.
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	Học phần Tiếng Anh Thương Mại A3 sử dụng giáo trình Business Partner A2+ với 4 đơn vị bài học, tiếp nối học phần Tiếng Anh Thương Mại A2. Mỗi đơn vị bài bao gồm 5 bài học, chú trọng vào xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại, doanh nghiệp, quản trị, thị trường, cuộc sống và công việc thường ngày. Sau mỗi đơn vị bài học sẽ có 01 phần hội thảo doanh nghiệp giúp người học trải nghiệm thực tế vận dụng kiến thức được trang bị để giao tiếp, đàm phán, ứng xử, giải quyết các tình huống trong kinh doanh. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học và làm bài tập

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				trực tuyến với nhiều thể loại bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	Học phần chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua điện thoại. Học phần giúp người học có cơ hội thực hành kiến thức trước khi bước vào môi trường thực tế thông qua các bài học tạo môi trường giả lập văn phòng để cho người học được trải nghiệm thực tế.
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Học phần giới thiệu văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đại học tại BVU cũng như tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
12	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	3	Học phần Kỹ năng kinh doanh sẽ cung cấp những kiến thức xử lý các vấn đề phát sinh liên quan hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp như: (1) Với doanh nghiệp: sử dụng thời gian một cách khoa học, hợp lý và giúp nâng cao năng suất làm việc. (2) Kỹ năng kinh doanh cần có của người quản lý: phát huy được sự nổi trội của các cá nhân, sự tận tâm của các nhóm và tận dụng được những kỹ năng chuyên môn quan trọng của từng thành viên. (3) Kỹ năng kinh doanh cần có của nhân viên: tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm quý báu khi làm việc nhóm, giúp

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				nhân viên cảm nhận được giá trị quan trọng của bản thân.
13	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về quản trị các hoạt động trong các tổ chức và doanh nghiệp; Có kỹ năng hoạch định, xây dựng, tổ chức và ra quyết định, lãnh đạo... trong các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có khả năng làm việc nhóm, thông qua các hoạt động tìm hiểu thực tiễn, tiểu luận và thảo luận nhóm; Có khả năng định hướng tốt ngành nghề, chuyên môn quản trị trong các tổ chức, doanh nghiệp.
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	Học phần Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
15	0101123612	Nhập môn ngành Marketing	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngành Marketing: tổng quan ngành Marketing, vai trò của chức năng của ngành trong nền kinh tế, hiểu về chương trình đào tạo ngành bậc đại học. Hiểu các kiến thức về chuyên ngành như marketing cơ bản, quản trị marketing, Brand marketing, Product marketing, Marketing dịch vụ, marketing kỹ thuật số, digital marketing, marketing tổ chức sự kiện..... Hiểu, mô tả bản chất công việc hoạt động ngành, môi trường làm việc, con đường phát triển nghề nghiệp, cơ hội nghề nghiệp ngành marketing và kỹ năng cần thiết để học tập và làm việc trong ngành Marketing.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
16	0101100031	Kinh tế học	3	Học phần Kinh tế học bao gồm 2 phần là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Nội dung kinh tế học vi mô giới thiệu cung, cầu và giá cả thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và các chính sách của chính phủ như thuế, trợ cấp, giá tối đa, tối thiểu cũng được giới thiệu và phân tích tác động của nó; nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường; nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, tối thiểu hoá lỗ; các mô hình về thị trường độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm. Nội dung kinh tế học vĩ mô cung cấp cho sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như: GDP, GNP, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát...; nghiên cứu các công cụ của chính sách tài khoá như: thuế, chi ngân sách của chính phủ; các công cụ chính sách tiền tệ như: lãi suất chiết khấu, lượng cung tiền, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, chính sách mua bán chứng khoán, cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ; Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái; sinh viên cũng được cung cấp các khái niệm lạm phát, thất nghiệp và mối quan hệ của nó trong ngắn hạn và dài hạn.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
17	0101100041	Marketing căn bản	3	Học phần môn học Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông như: Marketing truyền thống, Marketing qua công cụ tìm kiếm, Marketing qua mạng xã hội, email Marketing, mobile Marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông Marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Marketing.
18	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), thực tế áp dụng trong điều kiện Việt Nam; hoạt động xuất nhập khẩu. Học phần mang lại cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh ngoại thương, một số phương thức thanh toán quốc tế phổ biến, hoạt động vận tải ngoại thương, hoạt động bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu, các quy tắc và thông lệ quốc tế về hoạt động ngoại thương. Thanh toán quốc tế cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực xuất nhập khẩu. Môn học trang bị các kiến thức về thanh toán quốc tế (như hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại quốc tế, chứng từ sử dụng thanh toán quốc tế); cách phát hành, lưu thông các phương tiện thanh toán và cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế.
19	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	Học phần này giới thiệu một số vấn đề về kế toán như: những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, nhiệm

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				vụ, chức năng, các phương pháp kế toán, lập báo cáo tài chính, ghi sổ kép, tài khoản kế toán, chứng từ và kiểm kê, sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào ghi chép một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu trong quá trình hoạt động thể cụ thể của một đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế.
20	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	Học phần Quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức. Mục tiêu chính của học phần là chỉ ra cách mỗi người quản lý giải quyết vấn đề nhân sự và dự đoán tương lai; Áp dụng các phương pháp quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.
21	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; Thống kê Tài sản cố định trong doanh nghiệp; Thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
22	0101122830	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản trị chiến lược nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp có sứ mạng, mục tiêu dài hạn và các chiến lược kinh doanh cấp công ty, quốc tế.
23	0101100075	Quản trị tài chính	3	Học phần Quản trị tài chính bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào cách hoạch định và sử dụng vốn trong doanh nghiệp.
24	0101124050	Hành vi khách hàng	3	Học phần tìm hiểu về sự tồn tại và phát triển của tổ chức qua việc tìm hiểu về hành vi và kỹ năng của con người, cụ thể như sau: cơ sở hành vi cá nhân; giá trị, thái độ và sự thỏa mãn đối với công việc; động viên; những cơ sở hành vi nhóm; hành vi trong nhóm và sự xung đột; thông tin; văn hóa tổ chức; đổi mới và sự phát triển tổ chức.
25	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng CRM.
26	0101100039	Luật Kinh tế	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: các mô hình doanh nghiệp (Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân), hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã
27	0101124182	Thương mại điện tử	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trên mạng Internet. Qua môn học này, sinh viên có kiến thức cơ bản về thương mại trên các phương tiện điện tử. Xác định được và biết cách tiếp cận với các đối tượng trên Internet. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các phương thức thanh toán trực tuyến và các hình

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				thức quảng cáo trực tuyến.
28	0101124053	Quản trị khủng hoảng truyền thông	2	Học phần Quản trị khủng hoảng truyền thông cung cấp những kiến thức cơ bản về khủng hoảng và quản trị khủng hoảng truyền thông, các giai đoạn chủ yếu của quá trình quản trị khủng hoảng và các biện pháp, các kỹ thuật xử lý khủng hoảng. Sinh viên sẽ áp dụng kiến thức và kỹ năng để có thể xử lý và quản trị khủng hoảng truyền thông cho một tổ chức.
29	0101100129	Marketing dịch vụ	3	Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa Marketing dịch vụ và Marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, marketing dịch vụ là gì, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng. Các chiến lược Marketing Mix trong kinh doanh dịch vụ bao gồm các quyết định về sản phẩm dịch vụ, giá cả, phân phối và thời gian, thiết kế và quản trị quy trình dịch vụ, quyết định truyền thông dịch vụ, môi trường dịch vụ, yếu tố con người.
30	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về việc xây dựng một thương hiệu, hoạch định chiến lược phát triển thương hiệu, quản trị thương hiệu. Thực hiện hoạt động quản trị thương hiệu từ công tác xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ, các chiến lược phát triển và khai thác thương hiệu.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
31	0101124051	Viết lời quảng cáo (Copy writer)	3	Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về nguyên lý và qui trình viết lời quảng cáo, giúp SV có thể chủ động tạo ra những thông điệp kích bản tương tác giữa doanh nghiệp với khách hàng trên các lĩnh vực quảng cáo trực tuyến, truyền hình, đài phát thanh, thông cáo báo chí, tạo danh mục sản phẩm, biển quảng cáo, tờ rơi, bưu thiếp, thư chào hàng, và phương tiện truyền thông tiếp thị khác như truyền thông xã hội bao gồm các bài đăng trên blog, tweets, và các bài viết trang web mạng xã hội... nhằm xúc tiến các hoạt động quảng cáo giúp doanh nghiệp thành công trên thương trường.
32	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp như đi từ khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp. Quản lý kế hoạch thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.
33	0101124052	Tiếng Anh ngành Marketing	3	Học phần này là một trong những môn học chủ yếu của sinh viên chuyên ngành Marketing. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng anh và từ vựng cần thiết để có thể làm việc bộ phận Marketing các doanh nghiệp. Môn học đề cập đến những khía cạnh và giải quyết các vấn đề liên quan như: Phân khúc thị trường, định vị sản phẩm, thị trường mục tiêu, hành vi khách hàng, công cụ chiến lược marketing mix, quảng cáo, triển lãm thương mại. Các vấn đề về nhãn hiệu, nghiên cứu thị trường, marketing trực tiếp, quan hệ công chúng. Đi kèm với

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				các kiến thức chuyên ngành là từ vựng và ngữ pháp trọng tâm, bài tập nhóm với các tình huống cụ thể về các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết.
34	0101124054	Marketing số (Digital marketing)	3	Học phần Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: Marketing qua công cụ tìm kiếm, Marketing qua mạng xã hội, email Marketing, mobile Marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông Marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing
35	0101124055	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	3	Học phần này được thiết kế để trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Thiết kế nhận diện thương hiệu: Khái niệm cơ bản về thương hiệu, ý tưởng thương hiệu, các yếu tố thương hiệu, kim tự tháp thương hiệu, thiết kế nhận diện thương hiệu, sổ tay thương hiệu. Kết thúc học phần sinh viên có thể áp dụng những kiến thức học được kết hợp với kiến thức tự tìm hiểu vào việc thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, từ đó xây dựng kế hoạch Marketing một cách phù hợp.
36	0101124056	Quảng cáo trong kỹ nguyên số	4	Học phần Quảng cáo trong kỷ nguyên số giới thiệu tầm quan trọng của Quảng cáo trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông với các công cụ truyền thông mới như: quảng cáo qua công cụ tìm kiếm, quảng cáo qua mạng xã hội, email Marketing, mobile Marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				được các công cụ Quảng cáo trong kỷ nguyên số để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Quảng cáo số.
37	0101124046	Tư duy thiết kế và khởi nghiệp thời đại số	3	Học phần Tư duy thiết kế và khởi nghiệp thời đại số nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các khái niệm tư duy thiết kế và khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số. Giúp người học xâu chuỗi lại hệ thống kiến thức trong các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành đã học trước đó, giúp người học có thể lập một đề án kinh doanh hoàn chỉnh.
38	0101124048	Quản trị rủi ro trong kinh doanh kỹ thuật số	4	Học phần Quản trị rủi ro trong kinh doanh kỹ thuật số trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho hoạt động kinh doanh kỹ thuật số mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro trong hoạt động kinh doanh kỹ thuật số.
39	0101124034	Quản trị và nghiệm vụ bán hàng	3	Học phần này cung cấp sinh viên có kiến thức về: Các bước cơ bản trong kỹ năng bán hàng hiệu quả; Tiến trình bán lẻ hàng hóa; Khái quát về quản trị bán hàng; Nhiệm vụ của người quản trị bán hàng; Chăm sóc khách hàng.
40	0101124057	Phong tục và tập quán Việt	2	Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hoá như: văn hoá, văn minh, văn hiến, văn vật. Những vấn đề liên quan như đến hình

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				thái, mô hình, cấu trúc, chức năng của văn hóa. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó có thể giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hóa Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hóa; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây
41	0101124058	Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện	4	Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tổ chức hội nghị, sự kiện. Học phần có nội dung lý thuyết cơ bản sau: Những khái niệm cơ bản về sự kiện; Quy trình tổ chức một sự kiện; Tìm ý tưởng và xây dựng kịch bản cho sự kiện; Marketing sự kiện; Rèn luyện tinh thần và thái độ đúng khi tổ chức kinh doanh sự kiện; Các chương được kết cấu gồm: mục tiêu, nội dung, câu hỏi thảo luận. Phần thực hành thực tế sinh viên sẽ tự đứng ra tổ chức 1 sự kiện bất kỳ dưới sự định hướng và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy.
42	0101100101	Thực tập tốt nghiệp	4	Đây là học phần thực tế yêu cầu sinh viên phải biết tổng hợp các kiến thức mình đã được trang bị để vận dụng vào trong quá trình thực tập tại nhà máy. Đồng thời yêu cầu sinh viên phải có thái độ, ứng xử đúng mực của một người kỹ sư. Yêu cầu nhiệm vụ của sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập, đồng thời tìm hiểu toàn bộ quy trình sản xuất và các thiết bị chính trong dây truyền sản xuất. Tìm hiểu về các sự cố xảy ra trong sản xuất, cách khắc phục và nội quy an toàn lao động tạo công ty.
43	0101122633	Văn hóa doanh nghiệp	3	Học phần được bố trí trong học kỳ doanh nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên học

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				tập các nội quy và văn hóa khi làm việc tại các doanh nghiệp, rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại công ty, xí nghiệp đồng thời rèn luyện cho các em tính tổ chức, kỷ luật, tinh thần đoàn kết, kỹ năng làm việc theo nhóm, ý thức trách nhiệm công việc cao.
44	0101123713	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	Học phần này sinh viên được trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, được áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế và tích lũy thêm kinh nghiệm với các công việc chuyên ngành để có thể làm việc tốt hơn sau khi ra trường.
45	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần Báo cáo khóa luận tốt nghiệp ngành Marketing là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập ...Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn và thực tập thực tế tại hoạt động của doanh nghiệp nhằm rút ra kinh nghiệm trong quá trình làm việc sau này ... 10% sinh viên trong lớp sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp, xét điểm trung bình chung học tập 4 năm. Học phần này giúp sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu có sự giám sát. Sinh viên sẽ có cơ hội để lựa chọn và khám phá các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, phát triển các dạng câu hỏi để tăng cường kiến thức và kỹ năng nghiên cứu. Việc hoàn thành một khóa luận sẽ chuẩn bị cho sinh viên học cao hơn trong lĩnh vực này
46	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	Học phần này được dùng để giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Sinh viên sau khi học môn học này sẽ có nhận thức và hiểu biết về đạo đức nghề

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				nghịệp, trách nhiệm của mình trong quá trình thực thi công tác chuyên môn. Học phần cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề chính yếu thuộc trách nhiệm xã hội (CSR) và các thách thức mà doanh nghiệp đang đối mặt khi đưa các nguyên tắc CSR vào thực tiễn. Môn học giúp xem xét việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và làm thế nào để cân bằng việc kinh doanh và CSR. Môn học giúp người học nhận diện hoạt động nào là CSR, ra quyết định liên quan và làm thế nào để truyền thông về CSR đến nhóm công chúng mục tiêu. Môn học cũng giới thiệu một số trường hợp liên quan đến phát triển bền vững và vai trò của doanh nghiệp trong việc phát triển này.
47	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần này là môn học thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.
48	0101100046	Marketing quốc tế	2	Học phần này cung cấp một nền tảng vững chắc các nguyên tắc quản lý tiếp thị quốc tế/toàn cầu. Nó nhằm mục đích xây dựng một khuôn khổ các điểm tham chiếu và các công cụ phân tích để trang bị cho sinh viên sự tự tin, kiến thức và hiểu biết giúp sinh viên làm việc hiệu quả hơn trong môi trường tiếp thị toàn cầu thông qua việc đánh giá các phương pháp

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				tiếp cận khác nhau cần thiết để thực hiện chức năng marketing trong khu vực, quốc gia và nền văn hóa khác nhau.
49	0101123862	Quản trị và phát triển sản phẩm mới		Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu và vận dụng quá trình quản trị sản phẩm mới dưới góc độ marketing và cách thức phát triển sản phẩm mới, thông qua việc nghiên cứu tổng hợp bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức, phát triển những ý niệm của sản phẩm mới, đánh giá các giai đoạn, phát triển sản phẩm mang tính kỹ thuật và Marketing; Xây dựng kế hoạch triển khai, tung sản phẩm ra thị trường để đưa sản phẩm ra thị trường và đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Thông qua việc kết hợp lý thuyết và thực hiện dự án, môn học sẽ giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được qui trình phát triển và giới thiệu sản phẩm mới. Ngoài ra, thông qua việc thực hiện phân tích, thảo luận bài tập tình huống, bài tập cá nhân và dự án nhóm phát triển sản phẩm mới, sinh viên sẽ phát triển được các tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực thực hành.
50	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	<i>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</i>
51	0101123628	Giáo dục thể chất *	2*	<i>Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền. Đây là môn học và được đưa vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục thể chất</i>

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>trường học để phát triển thể chất con người cũng như đưa vào thi đấu trong các giải thể thao.</i>
52	0101060025	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1*	<i>Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn bóng rổ cho đối tượng là sinh viên. Là môn học thực hành nằm trong hệ thống giáo dục thể chất trường học nhằm phát triển thể chất con người.</i>
53	0101123671	<i>Tiếng Anh CDR 1*</i>	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 1* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 7-12), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, lối sống, con người, thực phẩm...</i>
54	0101123672	<i>Tiếng Anh CDR 2*</i>	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 2* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 7-12), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngày lễ, giao thông, sức khỏe, trải nghiệm...</i>
55	0101123673	<i>Tiếng Anh CDR 3*</i>	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 3* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiền trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 1 đến bài 6), mỗi đơn vị bài được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua</i>

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như cuộc sống, công việc thư giãn, và giữ gìn sức khỏe.</i>
56	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 4* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiên trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 7 đến bài 12), mỗi đơn vị bài được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như những thay đổi trong cuộc sống, tiền bạc, thế giới tự nhiên, xã hội, công nghệ, và sự nổi tiếng.</i>
57	0101123664	Mos Word*	2*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....</i>
58	0101123665	Mos Excel*	2*	<i>Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng và in ấn các trang tính Excel đến việc phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.</i>
59	0101121911	Mos Power point*	2*	<i>Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng</i>

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài thuyết trình lôi cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
60	0101124322	<i>Kỹ năng nghiên cứu thị trường *</i>	3*	<i>Học phần sẽ cung cấp những kiến thức kiến thức, kỹ năng, thông lệ thực tiễn, và những công cụ thông minh có tính ứng dụng cao trong nghiên cứu thị trường hiện đại. Sau khóa học, học viên sẽ có hiểu biết sâu và vận dụng được các kỹ năng nghiên cứu và phân tích thị trường, khảo sát và phân tích thị hiếu khách hàng, cụ thể như sau: Nắm bắt được khung lý thuyết về hành vi người tiêu dùng đối với các sản phẩm của doanh nghiệp; Kỹ năng thiết kế dự án nghiên cứu thị trường định tính và định lượng; Kỹ năng xây dựng bảng hỏi nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng; Kỹ năng triển khai hoạt động thu thập thông tin – bảng bảng hỏi, Kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS để phân tích dữ liệu định lượng; Kỹ năng giải thích dữ liệu, soạn thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu thị trường; Nắm được khung lý luận và nguyên tắc triển khai hoạt động nghiên cứu hành vi người tiêu dùng, nghiên cứu thị trường trong kỷ nguyên mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo 4.0; Kỹ năng triển khai nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng online.</i>

XI. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: Đính kèm

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. LS Nguyễn Thị Hoài Phương

NCS. ThS. Trịnh Đình Cường

ThS. Ngô Thúy Lân

